

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ XÂY DỰNG

Số:1822SXD-KTĐT

V/v công bố giá vật liệu xây
dựng tháng 5 năm 2025 trên
địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 6 năm 2025

Kính gửi: - Các Sở, Ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD; Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 50/2024/QĐ-UBND ngày 30/11/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1437/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ủy quyền công bố các thông tin về giá xây dựng trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Thông báo số 189/TB-UBND ngày 13/5/2022 của UBND tỉnh về việc bổ sung danh mục hàng hóa là đất làm vật liệu đắp và san lấp thuộc diện phải kê khai giá; Thông báo số 03/TB-UBND ngày 02/01/2024 của UBND tỉnh về việc bổ sung danh mục hàng hóa là cát làm vật liệu xây dựng thuộc diện phải kê khai giá;

Xét tình hình diễn biến giá vật liệu xây dựng tại tỉnh Quảng Ngãi, Sở Xây dựng công bố giá vật liệu xây dựng tháng 5 năm 2025 trên địa bàn tỉnh để các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng tham khảo xác định giá vật liệu trong việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. Việc thanh, quyết toán chi phí phải thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Giá vật liệu xây dựng được công bố tại Phụ lục I kèm theo Công văn này, bao gồm các vật liệu đã được công bố trong quý I năm 2025 có biến động giá, đồng thời cập nhật bổ sung giá một số vật liệu xây dựng chủ yếu. Giá vật liệu được xác định và công bố trên cơ sở thông tin giá vật liệu xây dựng của UBND các huyện, thị xã, thành phố; giá niêm yết của các đơn vị sản xuất, kinh doanh cung cấp, đồng thời có tham khảo giá thị trường và kết quả kiểm tra kê khai giá của các vật liệu thuộc diện phải kê khai giá. Giá vật liệu được công bố là giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, chưa loại trừ các khoản chiết khấu, hoa hồng, ưu đãi (nếu có) của các đơn vị sản xuất, kinh doanh.

Sở Xây dựng thông báo đến các cơ quan, đơn vị để tham khảo trong công tác lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, đề nghị các tổ chức, cá nhân có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Xây dựng để xem xét, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (thay b/c);
- Các Bộ: Xây dựng, Tài chính;
- Các Sở: Tài chính, Công Thương, NN&MT;
- KBNN Khu vực XII;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng thuộc Sở;
- Lưu: VT, KTĐT_G.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Hồng

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Chú chú	Thành phố Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	Huyện Sơn Tịnh	Huyện Tư Nghĩa	Huyện Mộ Đức	Huyện Nghĩa Hành	Huyện Minh Long	Huyện Sơn Hà	Huyện Trà Bồng	Huyện Ba Tư	Huyện Sơn Tây	Huyện Lý Sơn	Thị xã Đức Phổ
18	Đá cấp phối B	m3									131.818									
19	Đá Lôca>30cm	m3									154.545									
20	Đá Lôca<30cm	m3									168.182									
					Cty TNHH Đại Long		gà tại mỏ đá An Hội, xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa													
21	Đá 1x2	m3					"				250.000									
22	Đá 2x4	m3			"		"				213.636									
23	Đá 4x6	m3			"		"				195.455									
24	Đá Base (Dmax = 25mm)	m3			"		"				200.000									
25	Đá Base (Dmax = 37,5mm)	m3			"		"				172.727									
26	Đá 0,5x1	m3			"		"				181.818									
27	Đá lô ca (pha bỏ, tuyển từ đá học) >30cm	m3			"		"				140.909									
28	Đá lô ca (pha bỏ, tuyển từ đá học)<30cm	m3			"		"				159.091									
29	Đá xô bỏ	m3			"		"				109.091									
30	Đá bụi	m3			"		"				154.545									
	<i>đá dùng cho bê tông nhựa</i>	m3			"		"													
31	Đá 0x5	m3			"		"				181.818									
32	Đá 5x10	m3			"		"				281.818									
33	Đá 10x16	m3			"		"				318.182									
34	Đá 10x19	m3			"		"				318.182									
35	Đá 19x25	m3			"		"				300.000									
	THÉP HỘP, THÉP ỚNG MẠ KẼM				Cty CP Tập đoàn Hoa Sen	Việt Nam														
36	thép hộp 13x26 độ dày từ 1,0 đến 1,1	kg		6m				19.500	19.500	19.500	19.500	19.500	19.500	19.500	19.500	19.500	19.500	19.500	19.500	19.500
37	thép hộp 20x20x0,8	kg		6m				19.690	19.690	19.690	19.690	19.690	19.690	19.690	19.690	19.690	19.690	19.690	19.690	19.690
38	thép hộp 20x20x1,2	kg		6m				19.500	19.500	19.500	19.500	19.500	19.500	19.500	19.500	19.500	19.500	19.500	19.500	19.500
39	thép hộp 20x40 đến hộp 60x120 độ dày từ 1,0 đến 1,8	kg		6m				19.100	19.100	19.100	19.100	19.100	19.100	19.100	19.100	19.100	19.100	19.100	19.100	19.100
40	thép ống fi 60 đến fi 90 độ dày 1,1 trở lên	kg		6m				19.100	19.100	19.100	19.100	19.100	19.100	19.100	19.100	19.100	19.100	19.100	19.100	19.100
	VẬT LIỆU TẮM LỘP, BAO CHE																			
	Tôn lạnh Hoa Sen				Cty CP Tập đoàn Hoa Sen	Việt Nam														

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Chú chú	Thành phố Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	Huyện Sơn Tịnh	Huyện Tư Nghĩa	Huyện Mộ Đức	Huyện Nghĩa Hành	Huyện Minh Long	Huyện Sơn Hà	Huyện Trà Bồng	Huyện Ba Tơ	Huyện Sơn Tây	Huyện Lý Sơn	Thị xã Đức Phổ
	Tôn lạnh Hoa Sen AZ100 phủ AF 1200mm (khô tôn chưa cán) G550						giả đã bao gồm cán sóng, khô tôn sau khi cán là 1,07m													
41	AZ100 phủ AF: 0.30mm	m						75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000
42	AZ100 phủ AF: 0.35mm	m						8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300
43	AZ100 phủ AF: 0.40mm	m						92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000
44	AZ100 phủ AF: 0.45mm	m						101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000
45	AZ100 phủ AF: 0.50mm	m						110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000
	Tôn lạnh màu Hoa Sen AZ050 17/05 khô 1200mm (khô tôn chưa cán) G550						giả đã bao gồm cán sóng, khô tôn sau khi cán là 1,07m													
46	Tôn lạnh màu Hoa Sen AZ050 17/05: 0.30mm	m						82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000
47	Tôn lạnh màu Hoa Sen AZ050 17/05: 0.35mm	m						92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000
48	Tôn lạnh màu Hoa Sen AZ050 17/05: 0.40mm	m						101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000
49	Tôn lạnh màu Hoa Sen AZ050 17/05: 0.45mm	m						112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000
50	Tôn lạnh màu Hoa Sen AZ050 17/05: 0.50mm	m						123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000
51	Tôn HOA SEN GOLD màu : 0.50mmx1200mm	m						134.000	134.000	134.000	134.000	134.000	134.000	134.000	134.000	134.000	134.000	134.000	134.000	134.000
	GẠCH ỐP LÁT																			
	Gạch bê tông tự chèn tính năng cao			Cty CP XD đô thị và khu công nghiệp (nhà máy gạch Dung Quất)			giả tại nhà máy Khu công nghiệp Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh													
52	gạch giả đá vân mây màu xám ghi, mác 400	m2			300x300x6					213.000										
53	gạch dẫn hướng màu đen, mác 400	m2			300x300x6					223.000										
54	gạch dùng bước chặm bi, màu đen mác 400	m2			300x300x6					223.000										
	KHUNG, TRẦN CÁC LOẠI																			

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Chú chú	Thành phố	Huyện Bình Sơn	Huyện Sơn Tịnh	Huyện Tư Nghĩa	Huyện Mộ Đức	Huyện Nghĩa Hành	Huyện Minh Long	Huyện Sơn Hà	Huyện Trà Bồng	Huyện Ba Tư	Huyện Sơn Tây	Huyện Lý Sơn	Thị xã Đức Phổ
	Sản phẩm của Công ty TNHH KNAUF Việt Nam																			
55	Hệ khung trần chìm đồng dạng Xtra C và tấm thạch cao tiêu chuẩn Knauf UltraLight 9.0mm	m2	QCVN 16 : 2023/BXD		Knauf	Việt Nam		175.000												
56	Hệ khung trần chìm đồng dạng Xtra C và tấm thạch cao chịu ẩm Knauf UltraMoist 9.0mm	m2	QCVN 16 : 2023/BXD		Knauf	Việt Nam		190.000												
57	Hệ khung trần chìm đồng dạng Pro C và tấm thạch cao tiêu chuẩn Knauf UltraLight 9.0mm	m2	QCVN 16 : 2023/BXD		Knauf	Việt Nam		190.000												
58	Hệ khung trần chìm đồng dạng Pro C và tấm thạch cao chịu ẩm Knauf UltraMoist 9.0mm	m2	QCVN 16 : 2023/BXD		Knauf	Việt Nam		205.000												
59	Hệ khung trần chìm xương cá Pro V và tấm thạch cao tiêu chuẩn Knauf UltraLight 9.0mm	m2	QCVN 16 : 2023/BXD		Knauf	Việt Nam		215.000												
60	Hệ khung trần chìm xương cá Pro V và tấm thạch cao chịu ẩm Knauf UltraMoist 9.0mm	m2	QCVN 16 : 2023/BXD		Knauf	Việt Nam		230.000												
61	Hệ khung trần nổi T3 và Tấm thạch cao tiêu chuẩn trang trí sơn Diamond theo quy cách	m2	QCVN 16 : 2023/BXD		Knauf	Việt Nam		185.000												
62	605x1210x9.0mm Hệ khung trần nổi T3 và Tấm thạch cao tiêu chuẩn trang trí phủ PVC Palazo theo quy cách	m2	QCVN 16 : 2023/BXD		Knauf	Việt Nam		195.000												

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Chỉ chú	Thành phố Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	Huyện Sơn Tịnh	Huyện Tư Nghĩa	Huyện Mộ Đức	Huyện Nghĩa Hành	Huyện Minh Long	Huyện Sơn Hà	Huyện Trà Bồng	Huyện Ba Tơ	Huyện Sơn Tây	Huyện Lý Sơn	Thị xã Đức Phổ
63	Hệ khung vách ngăn Knauf Suprawall 76 và mỗi bên một lớp tấm Knauf StandardShield dày 12.7mm.	m2	QCVN 16 : 2023/BXD		Knauf	Việt Nam		420.000												
	SON																			
	Sản phẩm của Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại SJC																			
64	Sơn giao thông phản quang nhiệt dẻo màu trắng	kg						24.200												
65	Sơn giao thông phản quang nhiệt dẻo màu vàng	kg						25.300												
66	Bí phản quang	kg						17.600												
	ĐÈN, TRỤ ĐÈN CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG																			
	Sản phẩm của Công ty TNHH SUPER GROUP																			
	Bộ đèn đường SUPPER LED: Vỏ đèn bằng hợp kim nhôm đúc áp lực cao. Có cấu đầu tư đồng nhất điện : Hiệu suất phát quang: ≥ 150lm/W ; Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K (tùy chọn); CRI: > 70; Bộ nguồn: Thương hiệu EU; Chip LED: Chuẩn LM80; Chống xung điện áp: ≥ 20kV; Tuổi thọ bộ đèn: ≥ 100.000 giờ; IP67; IK10; Hệ số duy trì quang thông: ≥ 0.95; Bộ đèn tích hợp công kết nối mở rộng thông minh Dali/1-10V																			
67	30W	bộ						5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000
68	60W	bộ						6.980.000	6.980.000	6.980.000	6.980.000	6.980.000	6.980.000	6.980.000	6.980.000	6.980.000	6.980.000	6.980.000	6.980.000	6.980.000
69	70W	bộ						7.572.000	7.572.000	7.572.000	7.572.000	7.572.000	7.572.000	7.572.000	7.572.000	7.572.000	7.572.000	7.572.000	7.572.000	7.572.000
70	75W	bộ						7.672.000	7.672.000	7.672.000	7.672.000	7.672.000	7.672.000	7.672.000	7.672.000	7.672.000	7.672.000	7.672.000	7.672.000	7.672.000
71	80W	bộ						8.010.100	8.010.100	8.010.100	8.010.100	8.010.100	8.010.100	8.010.100	8.010.100	8.010.100	8.010.100	8.010.100	8.010.100	8.010.100
72	90W	bộ						8.700.000	8.700.000	8.700.000	8.700.000	8.700.000	8.700.000	8.700.000	8.700.000	8.700.000	8.700.000	8.700.000	8.700.000	8.700.000
73	100W	bộ						10.218.000	10.218.000	10.218.000	10.218.000	10.218.000	10.218.000	10.218.000	10.218.000	10.218.000	10.218.000	10.218.000	10.218.000	10.218.000
74	115W	bộ						11.118.000	11.118.000	11.118.000	11.118.000	11.118.000	11.118.000	11.118.000	11.118.000	11.118.000	11.118.000	11.118.000	11.118.000	11.118.000
75	120W	bộ						11.218.000	11.218.000	11.218.000	11.218.000	11.218.000	11.218.000	11.218.000	11.218.000	11.218.000	11.218.000	11.218.000	11.218.000	11.218.000
76	125W	bộ						11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000
77	130W	bộ						11.600.000	11.600.000	11.600.000	11.600.000	11.600.000	11.600.000	11.600.000	11.600.000	11.600.000	11.600.000	11.600.000	11.600.000	11.600.000
78	135W	bộ						12.170.000	12.170.000	12.170.000	12.170.000	12.170.000	12.170.000	12.170.000	12.170.000	12.170.000	12.170.000	12.170.000	12.170.000	12.170.000
79	140W	bộ						12.270.000	12.270.000	12.270.000	12.270.000	12.270.000	12.270.000	12.270.000	12.270.000	12.270.000	12.270.000	12.270.000	12.270.000	12.270.000
80	150W	bộ						12.780.000	12.780.000	12.780.000	12.780.000	12.780.000	12.780.000	12.780.000	12.780.000	12.780.000	12.780.000	12.780.000	12.780.000	12.780.000
81	155W	bộ						15.970.000	15.970.000	15.970.000	15.970.000	15.970.000	15.970.000	15.970.000	15.970.000	15.970.000	15.970.000	15.970.000	15.970.000	15.970.000

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Ghi chú	Thành phố Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	Huyện Sơn Tịnh	Huyện Tư Nghĩa	Huyện Mộ Đức	Huyện Nghĩa Hành	Huyện Minh Long	Huyện Sơn Hà	Huyện Trà Bồng	Huyện Ba Tơ	Huyện Sơn Tây	Huyện Lý Sơn	Thị xã Đức Phổ
82	160W	bộ						16.250.000	16.250.000	16.250.000	16.250.000	16.250.000	16.250.000	16.250.000	16.250.000	16.250.000	16.250.000	16.250.000	16.250.000	16.250.000
83	180W	bộ						16.800.000	16.800.000	16.800.000	16.800.000	16.800.000	16.800.000	16.800.000	16.800.000	16.800.000	16.800.000	16.800.000	16.800.000	16.800.000
	Bộ đèn đường SUPPER LED: Vô đèn bằng hợp kim nhôm đúc áp lực cao. Có cấu đầu tự động ngắt điện; Hiệu suất phát quang: ≥ 140lm/W ; Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K (tùy chọn); CRI > 70; Bộ nguồn: Thương hiệu EU; Chip LED: Chuẩn LM80; Chống xung điện áp: ≥ 20kV; IP66; IK08; Hệ số duy trì quang thông: ≥ 0.95; Bộ đèn tích hợp công kết nối mở rộng thông minh Dali/- 10V; Tuổi thọ bộ đèn: ≥ 100.000 giờ				Công ty TNHH SUPER GROUP	Việt Nam														
84	30W	bộ						4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000
85	60W	bộ						6.491.000	6.491.000	6.491.000	6.491.000	6.491.000	6.491.000	6.491.000	6.491.000	6.491.000	6.491.000	6.491.000	6.491.000	6.491.000
86	70W	bộ						7.040.000	7.040.000	7.040.000	7.040.000	7.040.000	7.040.000	7.040.000	7.040.000	7.040.000	7.040.000	7.040.000	7.040.000	7.040.000
87	75W	bộ						7.130.000	7.130.000	7.130.000	7.130.000	7.130.000	7.130.000	7.130.000	7.130.000	7.130.000	7.130.000	7.130.000	7.130.000	7.130.000
88	80W	bộ						7.450.000	7.450.000	7.450.000	7.450.000	7.450.000	7.450.000	7.450.000	7.450.000	7.450.000	7.450.000	7.450.000	7.450.000	7.450.000
89	90W	bộ						8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000
90	100W	bộ						9.500.000	9.500.000	9.500.000	9.500.000	9.500.000	9.500.000	9.500.000	9.500.000	9.500.000	9.500.000	9.500.000	9.500.000	9.500.000
91	115W	bộ						10.339.000	10.339.000	10.339.000	10.339.000	10.339.000	10.339.000	10.339.000	10.339.000	10.339.000	10.339.000	10.339.000	10.339.000	10.339.000
92	120W	bộ						10.450.000	10.450.000	10.450.000	10.450.000	10.450.000	10.450.000	10.450.000	10.450.000	10.450.000	10.450.000	10.450.000	10.450.000	10.450.000
93	125W	bộ						10.560.000	10.560.000	10.560.000	10.560.000	10.560.000	10.560.000	10.560.000	10.560.000	10.560.000	10.560.000	10.560.000	10.560.000	10.560.000
94	130W	bộ						10.800.000	10.800.000	10.800.000	10.800.000	10.800.000	10.800.000	10.800.000	10.800.000	10.800.000	10.800.000	10.800.000	10.800.000	10.800.000
95	135W	bộ						11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000	11.318.000
96	140W	bộ						11.410.000	11.410.000	11.410.000	11.410.000	11.410.000	11.410.000	11.410.000	11.410.000	11.410.000	11.410.000	11.410.000	11.410.000	11.410.000
97	150W	bộ						12.885.000	12.885.000	12.885.000	12.885.000	12.885.000	12.885.000	12.885.000	12.885.000	12.885.000	12.885.000	12.885.000	12.885.000	12.885.000
98	155W	bộ						14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000
99	160W	bộ						15.110.000	15.110.000	15.110.000	15.110.000	15.110.000	15.110.000	15.110.000	15.110.000	15.110.000	15.110.000	15.110.000	15.110.000	15.110.000
100	180W	bộ						15.624.000	15.624.000	15.624.000	15.624.000	15.624.000	15.624.000	15.624.000	15.624.000	15.624.000	15.624.000	15.624.000	15.624.000	15.624.000
	LED SUPPER LED Vô đèn bằng hợp kim nhôm đúc áp lực cao; Hiệu suất phát quang: ≥ 150lm/W ; Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K (tùy chọn); CRI > 70; Bộ nguồn: Thương hiệu EU; Chip LED: Chuẩn LM80; Hệ số công suất > 0.95; Chống xung điện áp: ≥ 20kV; IP66; IK08; Hệ số duy trì quang thông: ≥ 0.95; - Bộ đèn tích hợp công kết nối mở rộng thông minh Dali/-10V; Tuổi thọ bộ đèn: ≥ 100.000 giờ				Công ty TNHH SUPER GROUP	Việt Nam														
101	FLOODLIGHT LED 200W	bộ						12.130.000	12.130.000	12.130.000	12.130.000	12.130.000	12.130.000	12.130.000	12.130.000	12.130.000	12.130.000	12.130.000	12.130.000	12.130.000
102	FLOODLIGHT LED 250W	bộ						15.120.000	15.120.000	15.120.000	15.120.000	15.120.000	15.120.000	15.120.000	15.120.000	15.120.000	15.120.000	15.120.000	15.120.000	15.120.000
103	FLOODLIGHT LED 300W	bộ						15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000
104	FLOODLIGHT LED 350W	bộ						16.310.000	16.310.000	16.310.000	16.310.000	16.310.000	16.310.000	16.310.000	16.310.000	16.310.000	16.310.000	16.310.000	16.310.000	16.310.000
105	FLOODLIGHT LED 380W	bộ						25.400.000	25.400.000	25.400.000	25.400.000	25.400.000	25.400.000	25.400.000	25.400.000	25.400.000	25.400.000	25.400.000	25.400.000	25.400.000

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Chú chú	Thành phố Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	Huyện Sơn Tịnh	Huyện Tư Nghĩa	Huyện Mộ Đức	Huyện Nghĩa Hành	Huyện Minh Long	Huyện Sơn Hà	Huyện Trà Bồng	Huyện Ba Tơ	Huyện Sơn Tây	Huyện Lý Sơn	Thị xã Đức Phổ
106	FLOODLIGHT LED 400W	bộ						26.000.000	26.000.000	26.000.000	26.000.000	26.000.000	26.000.000	26.000.000	26.000.000	26.000.000	26.000.000	26.000.000	26.000.000	26.000.000
107	FLOODLIGHT LED 500W	bộ						30.800.000	30.800.000	30.800.000	30.800.000	30.800.000	30.800.000	30.800.000	30.800.000	30.800.000	30.800.000	30.800.000	30.800.000	30.800.000
	BỘ ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG				Công ty TNHH SUPER GROUP	Việt Nam														
108	Bộ đèn THGT chữ thấp D300 đỏ	bộ						5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000
109	Bộ đèn chữ thập D200 đỏ	bộ						4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000
110	Bộ đèn THGT mũi tên rẽ trái (đỏ + vàng + xanh) 3xD300	bộ						13.525.000	13.525.000	13.525.000	13.525.000	13.525.000	13.525.000	13.525.000	13.525.000	13.525.000	13.525.000	13.525.000	13.525.000	13.525.000
111	Bộ đèn THGT (đỏ + vàng + xanh) 3xD300	bộ						14.575.000	14.575.000	14.575.000	14.575.000	14.575.000	14.575.000	14.575.000	14.575.000	14.575.000	14.575.000	14.575.000	14.575.000	14.575.000
112	Bộ đèn THGT (đỏ + vàng + xanh) 3xD200	bộ						11.350.000	11.350.000	11.350.000	11.350.000	11.350.000	11.350.000	11.350.000	11.350.000	11.350.000	11.350.000	11.350.000	11.350.000	11.350.000
113	Bộ đèn THGT lắp lại (đỏ + vàng + xanh) 3xD100	bộ						6.100.000	6.100.000	6.100.000	6.100.000	6.100.000	6.100.000	6.100.000	6.100.000	6.100.000	6.100.000	6.100.000	6.100.000	6.100.000
114	Bộ đèn THGT số đếm lùi 3 màu D500x600	bộ						12.250.000	12.250.000	12.250.000	12.250.000	12.250.000	12.250.000	12.250.000	12.250.000	12.250.000	12.250.000	12.250.000	12.250.000	12.250.000
115	Bộ đèn THGT số đếm lùi 3 màu D300	bộ						7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000
116	Bộ đèn THGT số đếm lùi D300 + bộ đèn THGT (đỏ + vàng + xanh) 3xD300	bộ						21.190.000	21.190.000	21.190.000	21.190.000	21.190.000	21.190.000	21.190.000	21.190.000	21.190.000	21.190.000	21.190.000	21.190.000	21.190.000
117	Bộ đèn cho người đi bộ (xanh, đỏ) D300	bộ						7.870.000	7.870.000	7.870.000	7.870.000	7.870.000	7.870.000	7.870.000	7.870.000	7.870.000	7.870.000	7.870.000	7.870.000	7.870.000
118	Bộ đèn cho người đi bộ (xanh, đỏ) 2xD200	bộ						6.490.000	6.490.000	6.490.000	6.490.000	6.490.000	6.490.000	6.490.000	6.490.000	6.490.000	6.490.000	6.490.000	6.490.000	6.490.000
119	Đèn cho xe máy queo phát D300 xanh	bộ						6.025.000	6.025.000	6.025.000	6.025.000	6.025.000	6.025.000	6.025.000	6.025.000	6.025.000	6.025.000	6.025.000	6.025.000	6.025.000
120	Tủ điều khiển THGT 2 pha	tủ						52.150.000	52.150.000	52.150.000	52.150.000	52.150.000	52.150.000	52.150.000	52.150.000	52.150.000	52.150.000	52.150.000	52.150.000	52.150.000
121	Tủ điều khiển THGT 3 pha	tủ						70.750.000	70.750.000	70.750.000	70.750.000	70.750.000	70.750.000	70.750.000	70.750.000	70.750.000	70.750.000	70.750.000	70.750.000	70.750.000
	TRỤ ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG SUPER GROUP				Công ty TNHH SUPER GROUP	Việt Nam														

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Chú chú	Thành phố Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	Huyện Sơn Tịnh	Huyện Tư Nghĩa	Huyện Mộ Đức	Huyện Nghĩa Hành	Huyện Minh Long	Huyện Sơn Hà	Huyện Trà Bồng	Huyện Ba Tư	Huyện Sơn Tây	Huyện Lý Sơn	Thị xã Đức Phổ
122	TRỤ ĐÈN THGT CAO 6.3M VUON 10M	đ/cột						58.250.000	58.250.000	58.250.000	58.250.000	58.250.000	58.250.000	58.250.000	58.250.000	58.250.000	58.250.000	58.250.000	58.250.000	58.250.000
123	TRỤ ĐÈN THGT CAO 6.3M VUON 6M	đ/cột						26.175.000	26.175.000	26.175.000	26.175.000	26.175.000	26.175.000	26.175.000	26.175.000	26.175.000	26.175.000	26.175.000	26.175.000	26.175.000
124	TRỤ ĐÈN THGT CAO 6.25M VUON 4M	đ/cột						22.170.000	22.170.000	22.170.000	22.170.000	22.170.000	22.170.000	22.170.000	22.170.000	22.170.000	22.170.000	22.170.000	22.170.000	22.170.000
125	TRỤ ĐÈN THGT CAO 4.5M	đ/cột						5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000	5.100.000
126	TRỤ ĐÈN THGT CHO NGUỒI ĐI BỘ CAO 2.6M	đ/cột						2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000
127	TRỤ ĐỒ TỦ THGT DI 14x3mm	đ/cột						1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000
128	TRỤ ĐÈN THGT CHÓP VÀNG CAO 6.2M VUON 3M	đ/cột						16.350.000	16.350.000	16.350.000	16.350.000	16.350.000	16.350.000	16.350.000	16.350.000	16.350.000	16.350.000	16.350.000	16.350.000	16.350.000
129	TRỤ ĐÈN THGT CHÓP VÀNG CAO 3.5M	đ/cột						3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000
	Trụ đèn chiếu sáng STK																			
130	6mx3-60/150-375x375x10	trụ						4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000
131	7mx3-60/150-375x375x10	trụ						5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000
132	8mx3-60/150-375x375x10	trụ						5.690.000	5.690.000	5.690.000	5.690.000	5.690.000	5.690.000	5.690.000	5.690.000	5.690.000	5.690.000	5.690.000	5.690.000	5.690.000
133	8mx3-60/190-375x375x10	trụ						6.270.000	6.270.000	6.270.000	6.270.000	6.270.000	6.270.000	6.270.000	6.270.000	6.270.000	6.270.000	6.270.000	6.270.000	6.270.000
134	8mx4-86/190-400x400x12	trụ						8.900.000	8.900.000	8.900.000	8.900.000	8.900.000	8.900.000	8.900.000	8.900.000	8.900.000	8.900.000	8.900.000	8.900.000	8.900.000
135	9mx3-60/190-400x400x12	trụ						7.260.000	7.260.000	7.260.000	7.260.000	7.260.000	7.260.000	7.260.000	7.260.000	7.260.000	7.260.000	7.260.000	7.260.000	7.260.000
136	9mx4-60/190-400x400x12	trụ						8.965.000	8.965.000	8.965.000	8.965.000	8.965.000	8.965.000	8.965.000	8.965.000	8.965.000	8.965.000	8.965.000	8.965.000	8.965.000
137	9mx4-86/190-400x400x12	trụ						10.190.000	10.190.000	10.190.000	10.190.000	10.190.000	10.190.000	10.190.000	10.190.000	10.190.000	10.190.000	10.190.000	10.190.000	10.190.000

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Chú chú	Thành phố Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	Huyện Sơn Tịnh	Huyện Tư Nghĩa	Huyện Mộ Đức	Huyện Nghĩa Hành	Huyện Minh Long	Huyện Sơn Hà	Huyện Trà Bồng	Huyện Ba Tơ	Huyện Sơn Tây	Huyện Lý Sơn	Thị xã Đức Phổ
138	10mx4-60/190-400x400x12	trụ		10mx4-60/190-400x400x12				10.280.000	10.280.000	10.280.000	10.280.000	10.280.000	10.280.000	10.280.000	10.280.000	10.280.000	10.280.000	10.280.000	10.280.000	10.280.000
139	10mx4-86/190-400x400x12	trụ		10mx4-86/190-400x400x12				11.430.000	11.430.000	11.430.000	11.430.000	11.430.000	11.430.000	11.430.000	11.430.000	11.430.000	11.430.000	11.430.000	11.430.000	11.430.000
	Cán đèn chiếu sáng			(cán cao 2m, vòm 1.5m)																
140	Cán đơn D60 dày 2mm	cán						825.000	825.000	825.000	825.000	825.000	825.000	825.000	825.000	825.000	825.000	825.000	825.000	825.000
141	Cán đơn đôi D60 dày 2mm	cán						1.606.000	1.606.000	1.606.000	1.606.000	1.606.000	1.606.000	1.606.000	1.606.000	1.606.000	1.606.000	1.606.000	1.606.000	1.606.000
142	Cán đơn ba D60 dày 2mm	cán						2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000
143	Cán đơn D60 dày 3mm	cán						1.230.000	1.230.000	1.230.000	1.230.000	1.230.000	1.230.000	1.230.000	1.230.000	1.230.000	1.230.000	1.230.000	1.230.000	1.230.000
144	Cán đơn đôi D60 dày 3mm	cán						2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000
145	Cán đơn kiểu dây 2mm. Ống đứng D60x2mm-cao 2m. Nhánh D60 x 2mm-vuôn 1,5m. Nhánh phụ D60x2mm. Thanh chống D49x2mm. Đuôi hàn ống lót D49. Đầu gắn quai cầu inox D100	cán						2.680.000	2.680.000	2.680.000	2.680.000	2.680.000	2.680.000	2.680.000	2.680.000	2.680.000	2.680.000	2.680.000	2.680.000	2.680.000
146	Cán đơn kiểu dây 3mm. Ống đứng D80/60x3mm - cao 2m. Nhánh D60x3mm-vuôn 1,5mm. Thanh chống D49x3mm. Đuôi hàn tán M10. Đầu gắn cầu inox D100	cán						3.478.000	3.478.000	3.478.000	3.478.000	3.478.000	3.478.000	3.478.000	3.478.000	3.478.000	3.478.000	3.478.000	3.478.000	3.478.000
	Trụ trang trí sân vườn																			
147	SUPER 02 + Đầu đèn trang trí SUPER HELEN	bộ		Thân trụ D76/114mm mạ kẽm những nóng sơn tĩnh điện, sử dụng chip LED, Driver hiệu CREE/PHILIP S công suất 30W- 80W. Hiệu suất phát quang ≥ 120Lm/W, IK08. IP66.				12.160.000	12.160.000	12.160.000	12.160.000	12.160.000	12.160.000	12.160.000	12.160.000	12.160.000	12.160.000	12.160.000	12.160.000	12.160.000

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Ghi chú	Thành phố Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	Huyện Sơn Tịnh	Huyện Tư Nghĩa	Huyện Mộ Đức	Huyện Nghĩa Hành	Huyện Minh Long	Huyện Sơn Hà	Huyện Trà Bồng	Huyện Ba Tơ	Huyện Sơn Tây	Huyện Lý Sơn	Thị xã Đức Phổ
148	SUPER 02 + Đầu đèn trang trí SUPER LIGHT	bộ		Thân trụ D90/140mm mạ kẽm nhúng nóng sơn tĩnh điện, sử dụng chip LED, Driver hiệu CREE/PHILIP S công suất 30W- 80W. Hiệu suất phát quang ≥ 120lm/W, JK08, JP66, Đèn gang đúc DC06, thân nhôm định hình, sử dụng chip LED, Driver hiệu CREE/PHILIP S công suất 30W- 80W. Hiệu suất phát quang ≥ 120lm/W, JK08, JP66, Đèn gang đúc DC05B, thân nhôm định hình, đầu đèn nữ hoàng + 01 bóng LED 20W				11.780.000	11.780.000	11.780.000	11.780.000	11.780.000	11.780.000	11.780.000	11.780.000	11.780.000	11.780.000	11.780.000	11.780.000	11.780.000
149	SUPER 06 + Đầu đèn trang trí SUPER QUEEN	bộ		Đèn gang đúc DC06, thân nhôm định hình, sử dụng chip LED, Driver hiệu CREE/PHILIP S công suất 30W- 80W. Hiệu suất phát quang ≥ 120lm/W, JK08, JP66, Đèn gang đúc DC05B, thân nhôm định hình, đầu đèn nữ hoàng + 01 bóng LED 20W				8.976.000	8.976.000	8.976.000	8.976.000	8.976.000	8.976.000	8.976.000	8.976.000	8.976.000	8.976.000	8.976.000	8.976.000	8.976.000
150	SUPER 05 + Đầu đèn nữ hoàng	bộ		Đèn gang đúc DC05B, thân nhôm định hình, đầu đèn nữ hoàng + 01 bóng LED 20W				14.300.000	14.300.000	14.300.000	14.300.000	14.300.000	14.300.000	14.300.000	14.300.000	14.300.000	14.300.000	14.300.000	14.300.000	14.300.000
151	SUPER 05 + Đầu đèn ZELDA:	bộ		Đèn gang đúc DC05B, thân nhôm định hình, chùm CH11-5 lắp đầu đèn Zedal, bóng LED 20W				18.860.000	18.860.000	18.860.000	18.860.000	18.860.000	18.860.000	18.860.000	18.860.000	18.860.000	18.860.000	18.860.000	18.860.000	18.860.000
152	SUPER 05 + Đầu đèn TUYLIP	bộ		Đèn gang đúc DC05B, thân nhôm định hình, chùm CH11-5 lắp đầu đèn Tuylip, bóng LED 20W				17.100.000	17.100.000	17.100.000	17.100.000	17.100.000	17.100.000	17.100.000	17.100.000	17.100.000	17.100.000	17.100.000	17.100.000	17.100.000

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Chú chú	Thành phố Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	Huyện Sơn Tịnh	Huyện Tư Nghĩa	Huyện Mộ Đức	Huyện Nghĩa Hành	Huyện Minh Long	Huyện Sơn Hà	Huyện Trà Bồng	Huyện Ba Tư	Huyện Sơn Tây	Huyện Lý Sơn	Thị xã Đức Phổ
153	SUPER 05 + Đầu đèn PMMA D400	bộ		Đề gang đúc DC05B, thân nhôm định hình, chùm CH11-5 lắp cầu PMMA D400, bóng LED 20W				15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000	15.900.000
154	SUPER 07 + Đèn cầu hoa sen	bộ		Đề gang Banian DC07, thân nhôm định hình, chùm CH04-5 lắp cầu hoa sen, bóng LED 20W				13.170.000	13.170.000	13.170.000	13.170.000	13.170.000	13.170.000	13.170.000	13.170.000	13.170.000	13.170.000	13.170.000	13.170.000	13.170.000
155	SUPER 07 + Đèn cầu PMMA D400	bộ		Đề gang Banian DC07, thân nhôm định hình, chùm CH07-5 lắp cầu PMMA D400, bóng LED 20W				12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000
156	SUPER 12 + Đầu đèn ZELDA	bộ		Đề gang sứ tử, thân gang được chia thành nhiều đốt nối với nhau, chùm CH04-5 lắp đầu đèn Zelda, bóng LED 20W				22.300.000	22.300.000	22.300.000	22.300.000	22.300.000	22.300.000	22.300.000	22.300.000	22.300.000	22.300.000	22.300.000	22.300.000	22.300.000
157	SUPER 12 + Đèn cầu PMMA D400	bộ		Đề gang sứ tử, thân gang được chia thành nhiều đốt nối với nhau, chùm CH04-5 lắp cầu PMMA D400, bóng LED 20W				18.800.000	18.800.000	18.800.000	18.800.000	18.800.000	18.800.000	18.800.000	18.800.000	18.800.000	18.800.000	18.800.000	18.800.000	18.800.000